TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ – ST
Ngày: 13/01/2026
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đặng Thị Vân
2. Bà Đỗ Thị Ngoãn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 vềviệc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Chung Thị H, sinh năm 1999.
Địa chỉ: Thôn C - B, xã B, tỉnh Đồng Nai.
-*Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Thôn C - B, xã B, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2025 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn bà Chung Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 10/4/2017 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu chung sống bình thường, hạnh phúc sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn rất trầm trọng, bà và ông D đã sống ly thân, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 -Đồng Nai giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Anh K, sinh ngày 28/6/2017; bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai: Về tố tụng: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh K cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bị đơn nộp án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Chung Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D, có nơi cư trú tại Thôn C-B, xã B, tỉnh Đồng Nai. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Chung Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được triệu tập, tống đạt niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H yêu cầu ly hôn với ông D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu chung sống bình thường, hạnh phúc, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông bà đã sống ly thân, không chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H và ông D có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Anh K, sinh ngày 28/6/2017, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "… nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con." Xét thấy, tại biên bản lời khai cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ là bà H. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà H, giao cháu K cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4]Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tại phiên toà là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56, 81,82,83,84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chung Thị H. Bà Chung Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 28/6/2017 cho bà Chung Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Chung Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng (Biên lai thu tiền số 0029882 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND kv12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã, phường ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hà